TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 02 năm 2023
V/v: "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Hồ Quang Minh**

2/ Ông **Nguyễn Vũ Bằng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị D**, sinh năm 1974.

- *Bị đơn*: Anh **Huỳnh Văn Q**, sinh năm 1970.

Trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Nguyên đơn và bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị **Trần Thị D** trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Huỳnh Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong cuộc sống bất đồng ý kiến, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và hiện đã ly thân. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Huỳnh Cẩm T, sinh năm 1995 (giới tính: Nữ) và Huỳnh Nhựt L, sinh năm 2003 (giới tính: Nam). Hiện nay các cháu đã trưởng thành, nên không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật và bảo lưu ý kiến như trình bày tại đơn khởi kiện.

Bị đơn anh **Huỳnh Văn Q** trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất ý kiến trình bày của chị D. Nay, chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bị đơn thống nhất ly hôn với chị D.

Về con chung: Thống nhất ý kiến trình bày của chị D. Hiện nay các cháu đã trưởng thành, nên không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, bị đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật và bảo lưu ý kiến như trình bày tại bản tự khai.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu hòa giải.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến tại đơn khởi kiện, bản tự khai giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Được xác định là "Tranh chấp về Ly hôn", đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại Huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Do, nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần xét xử vắng mặt là phù hợp.

[3] Về hôn nhân:

Chị D và anh Q chung sống với nhau từ năm 1995, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K ngày 07/02/2023), nên hôn nhân đã vi phạm về hình thức.

Nay, chị D và anh Q thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân, do có mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân có vi phạm về hình thức.

Từ đó, căn cứ các điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01 ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Diệu, không công nhận giữa chị D và anh Q là vợ chồng.

[4] Về con chung: Đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết..

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[6] Về án phí: Buộc chị D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, đối trừ số tiền 300.000 đồng dự nộp tại lai 6141 ngày 08/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nguyên đơn nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; các điều 228, 238, 235, 273, 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 9, 14, 15, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D.

1/ Về hôn nhân: Không công nhận giữa chị Trần Thị D và anh Huỳnh Văn Q là vợ chồng.

2/ Về con chung: Đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết..

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí: Buộc chị Trần Thị D phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm ngàn đồng), đối trừ số tiền 300.000 đồng dự nộp tại lai 6141 ngày 08/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nguyên đơn nộp xong.

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6/ "Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang